

Dự thảo

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHLN-KHCN ngày / /2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nghiên cứu khoa học đối với giảng viên (kể cả giảng viên hợp đồng dài hạn và không xác định thời hạn) bao gồm: nhiệm vụ của giảng viên; các hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức nghiên cứu khoa học trong năm, quy định số giờ nghiên cứu của từng hoạt động.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giáo sư cơ hữu của Trường Đại học Lâm nghiệp (viết tắt VNUF).

**Điều 3. Mục đích**

1. Nghiên cứu khoa học trong Trường Đại học Lâm nghiệp phải nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ yêu cầu sản xuất, đời sống xã hội, phát huy tính sáng tạo và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Nghiên cứu khoa học để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nghiên cứu khoa học là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua, giải quyết các chế độ, đảm bảo tính công khai, dân chủ, công bằng trong việc thực hiện chính sách trọng dụng, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên.

5. Các đơn vị xây dựng quy định chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên, góp phần đạt được các chỉ tiêu cơ bản về đội ngũ cán bộ khoa học trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Lâm nghiệp đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

6. Thúc đẩy Nhà trường từng bước phát triển đạt chuẩn đại học định hướng nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu nâng cao chỉ số xếp hạng đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. Chương trình khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN), dự án khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học do cá nhân hoặc một nhóm người thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định nhằm giải quyết mọi vấn đề khoa học.

3. Đề tài khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo, đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu của lý luận và thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. Dự án khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu. Nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư, hợp tác song phương, đa phương là đề tài, dự án khoa học và công nghệ hợp tác xây dựng, tổ chức thực hiện và đóng góp kinh phí giữa các tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam với các đối tác quốc tế theo thỏa thuận bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài.

7. Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở: gồm đề tài cấp Trường, đề tài đặt hàng, xuất phát từ mục tiêu phát triển của Nhà trường, yêu cầu phục vụ công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường.

8. Dịch vụ khoa học và công nghệ là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

9. Bài báo khoa học là công trình khoa học của tác giả đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã chuẩn quốc tế ISSN hoặc ISBN, thể hiện rõ ý tưởng khoa học, nội dung cần thiết của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, những đóng góp chính về lý thuyết ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

10. Sách phục vụ đào tạo là sách có nội dung khoa học và tính sư phạm, được sử dụng để tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành khoa học, gồm có:

a) Giáo trình là tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được người đứng cơ sở giáo dục đại học duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

b) Sách chuyên khảo là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành.

c) Sách tham khảo là công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng, được cơ sở giáo dục đại học dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và người học.

d) Sách hướng dẫn là sách được cơ sở giáo dục đại học sử dụng để hướng dẫn cho người học, hướng dẫn thực tập môn học, thực tập theo giáo trình, thực tập trong cơ sở sản xuất; từ điển chuyên ngành.

## **Điều 5. Các hoạt động nghiên cứu khoa học**

### **1. Nhiệm vụ KHCN (Đề tài/Dự án/Chương trình)**

Công chức, viên chức là chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học bao gồm: đề xuất nhiệm vụ, viết thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Xét theo cấp chủ quản và nguồn tài trợ cho nghiên cứu, các nhiệm vụ NCKH có thể được phân chia như sau:

a) Nhiệm vụ cấp Quốc gia: Nhiệm vụ thuộc Chương trình cấp Nhà nước, đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị định thư, Nhiệm vụ do Quỹ Nafosted tài trợ, và tương đương

b) Nhiệm vụ cấp Bộ và tương đương

- Nhiệm vụ cấp Bộ: Nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ khác quản lý; các đề tài, nhiệm vụ, dự án nghiên cứu do cấp bộ chủ trì;

- Đề tài nhánh cấp Nhà nước, cấp bộ trọng điểm.

- Nhiệm vụ cấp tỉnh/thành phố do ngân sách nhà nước cấp;

c) Nhiệm vụ cấp Trường

Do Hiệu trưởng VNUF phê duyệt, bao gồm các nhiệm vụ NCKH cấp Cơ sở, nhiệm vụ đặt hàng của Hiệu trưởng.

d) Dịch vụ khoa học và công nghệ là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, án toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

## **2. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học**

a) Bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế có ISSN hoặc ISBN;

b) Bài báo cáo tại các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế xuất bản kỷ yếu có ISSN hoặc ISBN;

c) Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình: Do Hiệu trưởng VNUF quyết định giao nhiệm vụ biên soạn; Được nghiệm thu và xuất bản đưa vào giảng dạy, nghiên cứu;

d) Sở hữu trí tuệ: gồm quyền tác giả, sở hữu công nghiệp (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại), giống cây trồng;

## **3. Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác**

Các hoạt động báo cáo sinh hoạt học thuật khoa học cấp khoa/bộ môn; Hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên; Hướng dẫn nhóm sinh viên dự thi Olympic cơ học, tin học văn phòng; Hướng dẫn sinh viên dự thi Khởi nghiệp; Hướng dẫn nhóm sinh viên thi đấu đạt giải các cấp thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN**

Giảng viên Trường Đại học Lâm nghiệp phải tham gia một số hoạt động NCKH tùy theo chức danh, học vị, học hàm như sau:

#### **Điều 6. Nhiệm vụ cụ thể đối với các chức danh giảng viên**

##### **1. Đối với giảng viên cao cấp (hạng I - Mã số: V.07.01.01) hoặc có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư**

a) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn chương trình, giáo trình và sách phục vụ đào tạo khác; Biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phục vụ cho giảng dạy, học tập;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện, đánh giá các chương trình, đề tài, nhiệm vụ, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp; tham gia và trình bày báo cáo khoa học tại các hội thảo, hội nghị khoa học ở trong nước và nước ngoài;

c) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo;

d) Xây dựng, tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

e) Hợp tác với đồng nghiệp về công tác chuyên môn; tham gia các hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các công tác khác;

f) Tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

g) Mỗi năm phải tham gia đề xuất đề tài/dự án/nhiệm vụ và thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ/tương đương (nếu không là chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ/tương đương đang thực hiện); trong năm học phải thực hiện ít nhất một trong các hoạt động khoa học sau đây:

+ Chủ nhiệm hoặc tham gia 01 đề tài/dự án/nhiệm vụ NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Quốc gia.

+ Công bố 01 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số IF hoặc 02 bài trên tạp chí khoa học trong nước có phản biện

+ 01 bài báo cáo tại hội thảo khoa học đăng trên kỷ yếu quốc tế hoặc 02 bài báo cáo tại hội thảo khoa học đăng trên kỷ yếu trong nước có chỉ số.

## **2. Đối với Giảng viên chính (hạng II - Mã V.07.01.02) hoặc có học vị Tiến sĩ**

a) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ giảng dạy, học tập;

b) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tham gia đánh giá đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tham gia và trình bày báo cáo khoa học tại các hội thảo, hội nghị khoa học ở trong nước và nước ngoài;

c) Tham gia hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

d) Tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

e) Trong năm học phải có ít nhất là thành viên tham gia một đề tài/dự án/chương trình NCKH cấp Tỉnh/Thành phố trở lên hoặc công bố ít nhất 01 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc 02 bài báo trên tạp chí trong nước hoặc 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số (Đối với giảng viên khối các môn cơ bản, ngoại ngữ, lý luận chính trị, GDTC, bộ môn Luật công bố ít nhất 01 bài báo trong nước hoặc 01 báo cáo kỷ yếu có chỉ số)

## **3. Đối với Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03**

a) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo;

b) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác; tham gia và trình bày báo cáo khoa học tại các hội thảo, hội nghị khoa học ở trong nước và nước ngoài;

c) Tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

d) Mỗi năm giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH tối thiểu 01 đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên hoặc 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc 01 báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH VỀ SỐ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

#### **Điều 7. Định mức nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014.

2. Khối lượng giờ chuẩn NCKH theo định mức hàng năm được quy định cho các ngành và chức danh giảng viên như sau:

<b>Chức danh giảng viên</b>	<b>Định mức giờ chuẩn NCKH /năm</b>
Giảng viên cao cấp, GS, PGS	240
Giảng viên chính, TS	215
Giảng viên	180

#### **Điều 8. Các trường hợp miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học**

Giảng viên tham gia các hoạt động khác hoặc có thời gian công tác bị gián đoạn được giảm trừ định mức nghiên cứu khoa học hàng năm. Định mức nghiên cứu khoa học cụ thể được quy định như sau:

<b>Stt</b>	<b>Đối tượng giảng viên được miễn trừ</b>	<b>Định mức giảm NCKH/năm</b>
1	Học Tiến sĩ	50%
2	Học Thạc sĩ	50%
3	Học tập bồi dưỡng ở nước ngoài từ 09 tháng/năm	100%
4	Giảng viên kiêm giảng	30%
5	Giảng viên khối các môn cơ bản, ngoại ngữ, lý luận chính trị, GDTC, bộ môn Luật	30%
6	Kỹ sư HDTH	30%
7	Giảng viên tập sự	50%
8	Giảng viên làm nhiệm vụ giảng dạy tại THPT Lâm nghiệp	70%
9	Giảng viên nữ trong thời gian nghỉ thai sản, giảng viên chữa bệnh dài ngày	Theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng BHXH

10	Giảng viên nữ trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	73 giờ (1 giờ/ngày x 5 ngày/tuần x 44 tuần x 1/3) tương đương với 22 giờ chuẩn NCKH
----	---	---

**Điều 9. Quy đổi giờ nghiên cứu khoa học đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học**

Nội dung	Số giờ quy đổi			
	Chủ trì	Thư ký	TVC và TV	Tổng
<b>I. Nhiệm vụ KHCN (Đề tài/Dự án/Chương trình)</b>				
1. Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia và nhiệm vụ nghị định thư...	350	200	900	1450
2. Nhiệm vụ Quỹ NAFOSTED	220	90	250	560
3. Nhiệm vụ NCKH trọng điểm cấp Bộ, cấp Tỉnh/Thành phố, dự án SXTN cấp Bộ, đề tài nhánh cấp NN. Đề tài NCKH theo dự án quốc tế có kinh phí $\geq 20.000$ USD	320	180	700	1200
4. Nhiệm vụ NCKH theo dự án quốc tế có kinh phí $< 20.000$ USD	220	90	230	540
5. Nhiệm vụ cấp Cơ sở	180	60	120	360
6. Hợp đồng KH&CN (dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, ....) (Chủ trì hợp đồng sẽ phân bổ số giờ NCKH cho các thành viên)	Giá trị hợp đồng $< 50$ triệu			100
	Giá trị hợp đồng 50 triệu - 100 triệu			180
	Giá trị hợp đồng 100 - 200 triệu			240
	Giá trị hợp đồng 200 - 500 triệu			300
	Giá trị hợp đồng trên 500 triệu - 1 tỷ			360
	Giá trị hợp đồng trên 1 tỷ			420
7. Đề xuất, thuyết minh nhiệm vụ KHCN được đưa vào danh mục tuyển chọn	Nhà nước			240
	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp			215
	Hợp tác quốc tế			240
<b>II. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học</b>				
<b>1. Bài báo khoa học</b>	<b>Tiêu chí</b>			<b>Tổng</b>
a) Bài báo quốc tế (X là hệ số IF)	IF = 1			500
	IF < 1			430
	IF > 1			2X *250
b) Bài báo đăng trên ngôn ngữ quốc tế (Anh, Nga, Đức, Pháp, Nhật, Trung)	Không có chỉ số IF			180
c) Bài báo trong nước (tiếng Việt)	Điểm CT $\geq 0,75$			220
	Điểm CT < 0,75			180
d) Bài báo trong nước (tiếng Anh)	Điểm CT $\geq 0,75$			240
	Điểm CT < 0,75			220
<b>2. Báo cáo khoa học</b>	<b>Tiêu chí</b>			<b>Tổng</b>
a) Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế đăng trong kỷ yếu	Có ISSN			360
	Không có ISSN			240

Nội dung	Số giờ quy đổi			
	b) Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc gia/ngành/cấp trường đăng trong kỷ yếu	Có ISBN		180
	Không có ISBN		120	
c) Bài hội thảo/hội nghị khoa học cấp trường (không thuộc nhóm 5,6 ở trên)	Giờ/bài		100	
<b>3. Sách/giáo trình/bài giảng</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Chủ biên</b>	<b>CTV</b>	<b>Tổng</b>
a) Sách/giáo trình xuất bản trong nước (tiếng Việt)	Chuyên khảo	350	350	700
	Giáo trình	250	250	500
	Tài liệu giảng dạy	215	215	430
	Sách tham khảo và tương đương	250	250	500
b) Sách giáo trình xuất bản trong nước bằng tiếng anh	Tính bằng loại tiếng Việt * 2 lần loại hình tương đương			
c) Sách, giáo trình xuất bản nước ngoài	Tính bằng loại tiếng Việt *3 lần loại hình tương đương			
d) Bài giảng lý thuyết (các hệ)	- Hệ THPT (số giờ/tiết)		7	
	- Hệ đại học (số giờ NCKH/tín chỉ)		120	
	- Sau đại học (số giờ NCKH/tín chỉ)		140	
e) Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập	Tính bằng 75% số giờ của lý thuyết			
f) Thiết kế xây dựng chương trình đào tạo (giờ/chương trình mới) <i>Nếu sửa đổi và bổ sung tính bằng 0,3 lần xây dựng chương trình mới</i>	- Bậc sau đại học		360	
	- Bậc Đại học		600	
g) Thiết kế đề cương học phần lần đầu đã được hiệu trưởng phê duyệt (giờ/tín chỉ) <i>Nếu sửa đổi và bổ sung tính bằng 0,3 lần thiết kế đề cương mới</i>	- Bậc sau đại học		40	
	- Bậc đại học		30	
<b>III. Các hoạt động NCKH khác</b>	<b>Tiêu chí</b>		<b>Tổng</b>	
1. Bài SHHT khoa học cấp Khoa/Viện <i>(Có quyết định tổ chức của Trường, chỉ tính giờ 2 SHHT/năm)</i>	Giờ/Báo cáo viên		80	
2. SHHT khoa học cấp Bộ môn/Tổ chuyên môn THPT <i>(có quyết định tổ chức của Trường, chỉ tính giờ 2 SHHT bộ môn/năm)</i>	Giờ/Báo cáo viên		70	
3. Hướng dẫn Đề tài NCKH sinh viên	Giờ/đề tài hoàn thành		120	
4. Hướng dẫn nhóm SV dự thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robocon...	Giờ/ nhóm		100	
5. Hướng dẫn nhóm SV dự thi Khởi nghiệp	Giờ/nhóm		90	
6. Sở hữu trí tuệ	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Châu Âu, Đông Bắc Á..)		1000	
	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn patent tại		750	

Nội dung	Số giờ quy đổi	
		Việt Nam
	Giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia, quốc tế	750
7. Giảng viên đạt giải thưởng trong NCKH		
a) Nhiệm vụ/đề tài NCKH của giảng viên đạt giải thưởng	Cấp Bộ và tương đương	180
	Quốc gia	215
	Quốc tế	240
b) Hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải cấp thành phố/Bộ	Giờ/đề tài	215
c) Hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải cấp quốc gia, quốc tế	Giờ/đề tài	240

### **Điều 10. Phân chia số giờ nghiên cứu khoa học cho nhóm tác giả**

1. Đối với nhiệm vụ NCKH: Trong trường hợp có thành viên và thành viên chính có từ 2 thành viên trở lên, giờ quy đổi NCKH của các thành viên chính và thành viên và do Chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ vào công việc tham gia thực tế để phân bổ giờ cho các thành viên và tổng số giờ không được vượt quá số giờ quy đổi.

2. Đối với sách, giáo trình, chuyên khảo phục vụ đào tạo: Ngoài giờ tính cho chủ biên phần tính giờ cho cộng tác viên được tính như sau:

a) Nếu có 1 công tác viên thì giờ quy đổi bằng 1/2 tổng số giờ cộng tác viên, phần còn lại tính cho chủ biên.

b) Nếu có từ 2 cộng tác viên thì tổng số giờ quy đổi chia đều cho các cộng tác viên.

3. Đối với bài báo khoa học: Cách quy đổi giờ giống như quy đổi sách, giáo trình, chuyên khảo phục vụ đào tạo.

### **Điều 11. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học**

1. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học: hoạt động nghiên cứu khoa học được tính giờ nghiên cứu khoa học trong năm hoàn thành (nghiệm thu/công bố kết quả nghiên cứu/thanh lý hợp đồng).

Đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chưa hoàn thành, giờ nghiên cứu khoa học được tính theo căn cứ thời hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

Cuối mỗi năm học (tháng 6 hàng năm), các Khoa/Viện chuyên môn thống kê số giờ NCKH của các giảng viên trong năm học kèm theo minh chứng và gửi về Nhà trường thông qua phòng Khoa học và Công nghệ (KH&CN).

2. Giảng viên đi học Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ thời gian được hưởng miễn giảm giờ NCKH căn cứ theo quyết định cử đi học của Hiệu trưởng.

3. Giảng viên được hưởng nhiều mức miễn, giảm định mức giờ NCKH thì áp dụng mức miễn, giảm nhiều nhất.

4. Giảng viên hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải thưởng thì tính giờ NCKH áp dụng mức cao nhất.

### **Điều 12. Bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học**

Bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức: Số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học vượt định mức được bảo lưu tối đa ba (03) năm tiếp theo năm hoàn thành, cụ thể như sau:

- 03 năm đối với công bố quốc tế hoặc đề tài cấp nhà nước
- 02 năm đối với: đề tài cấp bộ/trương đương, xuất bản sách chuyên khảo
- 01 năm đối với các trường hợp:
  - ◆ Đề tài cấp Trường các loại;
  - ◆ Bài đăng trên tạp chí trong nước (tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận);
  - ◆ Bài đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học được xuất bản, bài được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo có ISBN
  - ◆ Tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn phục vụ học tập
- Các hoạt động khoa học khác hoàn thành năm nào tính được tính giờ nghiên cứu khoa học cho năm đó, không bảo lưu cho các năm sau.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm thực hiện**

1. Phòng Tổ chức cán bộ giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giảng viên bảo đảm đúng, đủ, kịp thời. Tổng hợp, xem xét mức độ hoàn thành khối lượng công việc theo quy định của giảng viên để làm cơ sở đánh giá, phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng và bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm.

2. Phòng Khoa học và Công nghệ theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong học kỳ, năm học; tổng hợp và quy đổi giờ nghiên cứu khoa học trong năm học, thông báo để các cá nhân kiểm tra, đối chiếu, làm cơ sở đánh giá, phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng hàng năm.

#### **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học .....
2. Trưởng các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt Quy định này trong đơn vị để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị kiến nghị về phòng KH&CN để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

**HIỆU TRƯỞNG**